

KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG 5

Môn: HÓA HỌC – Lớp 8

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Kiểm tra kiến thức đã học, tính chất ứng dụng của hidro, điều chế hidro. - Các loại phản ứng hóa học: Phản ứng thế, phản ứng hóa hợp, phản ứng phân hủy
- Rèn luyện kỹ năng viết phương trình phản ứng, kỹ năng tính toán
- Tự lập trong giờ kiểm tra

2. Kỹ năng :

- Rèn kỹ năng tính toán theo công thức hóa học và phương trình hóa học, nhất là các công thức và phương trình hóa học có liên quan đến tính chất, ứng dụng, điều chế khí hidro
- Rèn luyện cho h/s phương pháp học tập, bước đầu vận dụng kiến thức hóa học vào thực tế đời sống

3. Thái độ:

- Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, tự giác, độc lập suy nghĩ của học sinh
- Qua tiết kiểm tra phân loại được 3 đối tượng học sinh, để giáo viên có kế hoạch giảng dạy thích hợp.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA:

Tập trung vào các vấn đề sau:

- Tính chất vật lí, tính chất hóa học, ứng dụng, điều chế khí hidro
- Nhận biết tính khử của hidro trong các PỨHH
- Biết nhận ra phản ứng thế và so sánh với các phản ứng hóa hợp phản ứng phân hủy.

III. MA TRẬN:

ĐỀ KIỂM TRA MÔN HÓA 8

A. Ma trận

<i>Tên Chủ đề</i> (nội dung chương...)	<i>Mức độ kiến thức, kỹ năng</i>								<i>Cộng</i>
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
<i>Chủ đề 1</i> Tính chất , ứng dụng của hidro	T/c và ứng dụng Của hidro		T/c và tính khử của Hidro		Tính theo PTHH				
Số câu	C2	C4	C5	C6	C8	C11			6
Số điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	3,0			5,5
Tỉ lệ %	5%	5%	5%	5%	5%	30%			55%

Câu 9. Thu khí hidro bằng phương pháp đẩy nước là do:

- A. Hidro tan trong nước
 B. Hidro nặng hơn không khí
 C. Hidro ít tan trong nước
 D. Hidro là chất khí nhẹ nhất trong các chất khí

Câu 10. Cho sơ đồ phản ứng $Al + H_2SO_4 \rightarrow Al_2(SO_4)_3 + H_2$. Để lập phương trình hóa học các hệ số lần lượt theo thứ tự là:

- A. 2, 6, 2, 6
 B. 2, 2, 1, 3
 C. 1, 2, 2, 3
 D. 2, 3, 1, 3

II. TỰ LUẬN:

Câu 11: Dùng khí hidro để khử hoàn toàn 16 gam đồng(II) oxit

- a) Viết phương trình hóa học của phản ứng ?
 b) Tính thể tích khí hidro cần dùng cho phản ứng (ở đktc)?
 c) Tính số gam đồng tạo thành sau phản ứng?

Câu 12: Cho 19,5 gam kẽm vào dung dịch axit clohidric có chứa 18,25 gam axit

- a) Viết phương trình hóa học phản ứng xảy ra ?
 b) Khi phản ứng kết thúc, chất nào còn thừa?
 c) Tính thể tích chất khí sinh ra sau phản ứng (ở đktc) ?
 d) Sau khi phản ứng kết thúc cho giấy quỳ tím vào hoi quỳ tím chuyển sang màu gì? Vì sao?
 (H = 1 ; Cl = 35,5 ; Zn = 65)

Câu 13: Hãy trình bày cách phân biệt 2 chất rắn màu xám là Na và Na_2O , chỉ dùng nước hãy trình bày cách phân biệt. Viết ptpu minh họa

C. ĐÁP ÁN & BIỂU ĐIỂM

KIỂM TRA 45 PHÚT- Tiết 53- Môn HÓA Lớp 8

I. **TRẮC NGHIỆM:** (5 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đúng	B	B	D	D	C	C	C	B	C	D

II. **TỰ LUẬN:** (5 điểm)

Câu 11 (3 điểm)

Thành phần	Nội dung đáp án	Biểu điểm
a	Viết PTHH và cân bằng đúng: $H_2 + CuO \xrightarrow{t^o} Cu + H_2O$	0,5 điểm
b	$nCuO = mCuO : MCuO = 16 : 80 = 0,2 (mol)$	0,5 điểm
	Theo PTHH $nH_2 = nCuO = 0,2 (mol)$	0,5 điểm
	Ở ĐKTC 1 mol chất khí có V = 22,4 lít → Thể tích khí hidro cần dùng cho phản ứng là: $V_{H_2} = nH_2 . 22,4 = 0,2 . 22,4 = 4,48 (lít)$	0,5 điểm
c	Theo PTHH $nCu = nCuO = 0,2 (mol)$ Số gam đồng tạo thành sau phản ứng là: $mCu = nCu . MCu = 0,2 . 64 = 12,8 (gam)$	0,5 điểm

Câu 12 (2 điểm)

Thành phần	Nội dung đáp án	Biểu điểm
------------	-----------------	-----------

a	Viết PTHH và cân bằng đúng: $\text{Zn} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{ZnCl}_2 + \text{H}_2 \uparrow$	0,5 iểm
b	Số mol của 19,5 gam kẽm là: $n_{\text{Zn}} = \frac{m_{\text{Zn}}}{M_{\text{Zn}}} = 19,5 : 65 = 0,3(\text{mol})$ Số mol của 18,25 gam HCl là: $n_{\text{HCl}} = \frac{m_{\text{HCl}}}{M_{\text{HCl}}} = 18,25 : 36,5 = 0,5(\text{mol})$	0,5 iểm 0,5 iểm
	Lập tỉ lệ số mol ta có: $\frac{0,3}{1} = 0,3 < \frac{0,5}{1} = 0,5$ Vậy HCl thừa.	
c	Ta dựa vào Zn để tính Theo PTHH $n_{\text{H}_2} = n_{\text{Zn}} = 0,3(\text{mol})$ Ở ĐKTC 1 mol chất khí có $V = 22,4$ lít → Thể tích khí hiđrosin ra sau phản ứng là: $V_{\text{H}_2} = n_{\text{H}_2} \cdot 22,4 = 0,3 \cdot 22,4 = 6,72(\text{lít})$	0,5 điểm